

Số: 431 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 27 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế và bị bãi bỏ trong các lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; trồng trọt và bảo vệ thực vật; tài nguyên nước; địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 75/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi; bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; trồng trọt và bảo vệ thực vật; tài nguyên nước; địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

(Phụ lục Quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

1. Cấp tỉnh

a) Ban hành mới quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính:

Ban hành mới 02 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật có mã thủ tục 2.002338 và 2.002339.

b) Thay thế quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính:

- Thay thế 05 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính có tên và mã thủ tục tương ứng lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật được ban hành tại Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính một số lĩnh vực ngành Nông nghiệp và Môi trường được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết theo Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 07/4/2026.

- Thay thế 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính có tên tương ứng lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm được ban hành tại Quyết định số 2424/QĐ-UBND tỉnh ngày 16/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi bổ sung và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Thay thế 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính có tên và mã thủ tục tương ứng lĩnh vực địa chất và khoáng sản được ban hành tại Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

c) Bãi bỏ quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính:

Bãi bỏ 06 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính có tên và mã thủ tục tương ứng lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật được ban hành tại Quyết định 1710/QĐ-UBND ngày 29/04/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Quyết định này hết hiệu lực thi hành.

Bãi bỏ 02 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính có tên và mã thủ tục tương ứng được ban hành tại Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính một số lĩnh vực ngành Nông nghiệp và Môi trường được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông

ng nghiệp và Môi trường giải quyết theo Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 07/4/2026.

2. Cấp xã

Thay thế 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính có tên và mã thủ tục tương ứng lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm được ban hành tại Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 24/2/2026 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế trong lĩnh vực lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, UBND xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo các quy trình điện tử được phê duyệt tại Quyết định này.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố lên Hệ thống thông tin và giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Chủ tịch UBND dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Lưu: VT, KTN, HCC.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hoàng

**QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

(ban hành kèm theo Quyết định số ⁴³¹ /QĐ-UBND ngày ²⁷ tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai)

PHẦN I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A. Quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
1. Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch. Mã số thủ tục: 2.002338 Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Trồng trọt	1 ngày làm việc		
Bước 3	Rà soát, chuyển phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển phê duyệt hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc		
Bước 5	Ký, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND thành phố	1,5 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)</i>			05 ngày làm việc		

2. Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch. Mã TTHC: 2.002339 Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Trồng trọt	0,75 ngày làm việc		
Bước 3	Rà soát, chuyển phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,25 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Ký, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND thành phố	1 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết (<i>kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân</i>)			03 ngày làm việc		

B. Quy trình giải quyết thủ tục hành chính thay thế

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
1. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón. Mã số thủ tục: 1.007928 Một phần					

<i>1.1. Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 11 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP)</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón): 2.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.	- Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/4/2025 của UBND tỉnh; - Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Trồng trọt	01 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên phòng Trồng trọt	13,5 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	01 ngày làm việc		
Bước 5	Kí, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3,5 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết (<i>kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân</i>)			20 ngày làm việc		
<i>1.2. trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	'- Phí thẩm định cấp lại giấy chứng	- Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở

Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Trồng trọt	0,5 ngày làm việc	nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón): 2.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. '- Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón: 1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần.	Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/4/2025 của UBND tỉnh; - Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên phòng Phòng Trồng trọt	1,5 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Kí, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết (<i>kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân</i>)			05 ngày làm việc		
2. Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc. Mã số TTHC: 1.012070 Một phần					
<i>2.1 Trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, an ninh lương thực và dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường trên diện rộng</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	- Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo
Bước 2	Phân công xử lý	Trưởng phòng Phòng Trồng trọt	01 ngày làm việc		

Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Trồng trọt	3,5 ngày làm việc		QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/4/2025 của UBND tỉnh; - Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
Bước 4	Chuyển phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Kí, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở	2 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)			08 ngày làm việc		
2.2. Trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ cho người có nhu cầu và năng lực sử dụng giống cây trồng không đạt được thỏa thuận với người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về việc ký kết hợp đồng sử dụng giống cây trồng mặc dù trong 12 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng) đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thỏa đáng và người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	- Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/4/2025 của UBND tỉnh; - Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số
Bước 2	Phân công lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Trồng trọt	01 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Trồng trọt	09 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	2 ngày làm việc		
Bước 5	Kí, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở	3 ngày làm việc		

Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)			16 ngày làm việc		
3. Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC: 1.012063 Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	- Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/4/2025 của UBND tỉnh; - Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Trồng trọt	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Trồng trọt	02 ngày làm việc		
Bước 3	Chuyển phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Kí, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)			05 ngày làm việc		
4. Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC: 1.012064 Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	- Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở

Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Trồng trọt	0,5 ngày làm việc		Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/4/2025 của UBND tỉnh; - Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Trồng trọt	02 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Kí, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)			05 ngày làm việc		

5. Cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC: 1.012062 Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	- Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/4/2025 của UBND tỉnh; - Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Trồng trọt	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên phòng Trồng trọt	02 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Kí, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		

Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)			05 ngày làm việc		Nông nghiệp và Môi trường.
II	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM				
1. Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh. Mã thủ tục hành chính: 1.000071; Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Không	- Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1637/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Quỹ Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày		
Bước 3	Thẩm định	Viên chức Phòng Nghiệp vụ	09 ngày		
Bước 4	Trình duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày		
Bước 5	Phê duyệt	UBND thành phố Đồng Nai	03 ngày		
Bước 6	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			15 ngày làm việc		
III	LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT KHOÁNG SẢN				
1. Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản: Mã thủ tục hành chính 1.014787 Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không quy định	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số

Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	01 ngày làm việc	1583/QĐ-BNNMT ngày 04/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	15 ngày làm việc	
Bước 4	Thẩm duyệt kết quả và trình phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày làm việc	
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND thành phố	03 ngày làm việc	
Bước 6	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	
Tổng cộng thời gian giải quyết			22 ngày làm việc	

C. Quy trình thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quy trình thủ tục hành chính bãi bỏ được phê duyệt tại	Ghi chú
I	Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật			
1	1.012073	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định
2	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Quyết định 1710/QĐ-UBND ngày 29/04/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định
3	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Quyết định 1710/QĐ-UBND ngày 29/04/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quy trình thủ tục hành chính bãi bỏ được phê duyệt tại	Ghi chú
4	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Quyết định 1710/QĐ-UBND ngày 29/04/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định
5	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Quyết định 1710/QĐ-UBND ngày 29/04/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định
6	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Quyết định 1710/QĐ-UBND ngày 29/04/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định
7	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Quyết định 1710/QĐ-UBND ngày 29/04/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định
II	Lĩnh vực Tài nguyên nước			
1	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định

PHẦN II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

A. Quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thay thế

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
I	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM				

1. Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân Mã TTHC: 1.012531 Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc	Không	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1637/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
Bước 2	Phân công chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	01 ngày làm việc		
Bước 3	Tổ chức xác minh hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất và lập biên bản xác minh điều kiện hỗ trợ lãi suất vốn vay tại ngân hàng, trình Chủ tịch UBND cấp xã.	Chuyên viên phòng chuyên môn	06 ngày làm việc		
Bước 4	Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, trình UBND cấp tỉnh quyết định	Chủ tịch UBND cấp xã	02 ngày làm việc		
Bước 5	Quyết định hỗ trợ lãi suất vốn vay tại ngân hàng	Chủ tịch UBND cấp tỉnh	03 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết				13 ngày làm việc	